

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/07/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK6+RC3+RC10	7:25	9+6+6	0+0+0		4+8+6	0+0+0	
2		BK4+BK5+P2	7:25	0+4+17	0+0+0		0+4+17	0+0+0	chuyen 1 bk4- bk5
3		SAVR+RP2	7:25	6+16	0+0		4+18	0+0	
4		SAVR+MRM	7:25	17+0	0+0		16+0	0+0	chuyen 1 SAVR- MRM
5		RP2	9:25	22	0		22	0	
6		C10+BK10+P2	9:25	2+4+15	0+0+0		0+0+11	0+0+0	chuyen 1 clo- bk10
7		GTCl1+BK8	9:25	3+17	0+0		0+10	0+0	
8		CTCl1+BK16	9:25	14+1	0+0		12+0	0+0	
9		P9+Thor+PPD	11:25	6+4+11	0+0+0		0+1+11	0+0+0	
10		P5+P3+PPD	11:25	11+0+10	0+0+0		1+1+0	0+0+0	chuyen 1 P5- PPD
11		CTK3+BK6+P11	11:25	21+0+0	0+0+0		6+5+2	0+0+0	



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/07/2025	TO: BK6 - RC3 - RC10	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
VSP FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐƯƠNG - XTRƯỜNG - NNAM	ETA: 09:20
XANH-1		VNHS FLIGHT: TM25/2770	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐỖ HỒNG SƠN	BK6				3	45	69	D-HANH	Vietnamese
2	TRẦN QUANG NGUYỄN	BK6						62	D-HANH	Vietnamese
3	ĐẶNG THANH TRUNG	BK6						74	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN DŨNG	BK6	31-33	3	15			70	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG MINH SƠN	BK6						73	ANTOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH HAI	BK6	34-35	2	14			75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC THIẾP	BK6	28	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ HUY MẠNH	BK6	30	1	12			80	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN TRỌNG MINH	BK6	29	1	3			67	PSV	Vietnamese
10	PHAN TÂN TÀI	RC3	09-10	2	10			70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TÂN HỒNG	RC3	07	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC XUÂN	RC3	11	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH CÔNG	RC3						61	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN TRINH	RC3	08	1	8			81	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT HA	RC3	12	1	11			77	PSV	Vietnamese
16	ĐÀO VIỆT HAI	RC10	12	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ ANH TÙNG	RC10	700	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HÙNG	RC10	07	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN THÀNH	RC10	11	1	9			62	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM QUANG LỢI	RC10	05	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ MINH THUẬN	RC10	06,08	2	15			79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK6	9	639	8	49	3	45	4		
2	RC3	6	410	6	40	0	0	8		
3	RC10	6	431	7	47	0	0	6		
TOTAL		21	1.480	21	136	3	45	18		
WEIGHT KG			1.480		136		45			

GRAND TOAL: 1.661 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CREW



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/07/2025		TO: BK4 - BK5 - P2			AIRCRAFT: 420			ETD: 07:35		
FLIGHT: 02		FROM: VT			CREW: KHOÀN - N.CƯƠNG - TOAN			ETA: 09:25		
CAM-1					VNHS FLIGHT: TM25/2773					
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN QUANG BINH	BK5	68	1	7	2	30	68	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐOÀN VĂN TRỊNH	BK5	65-66	2	9			61	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI QUANG DUY	BK5	69	1	11			78	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN NGUYỄN	BK5	67	1	5			70	PSV	Vietnamese
5	LÊ VĂN LONG	P2	11	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
6	HỒ CÔNG ANH	P2	12-13	2	7			64	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ĐOÀN HƯƠNG	P2	08	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ HỮU NGUYỄN	P2	03	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH NAM	P2	97	1	7			57	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ TRẦN MINH ĐẠT	P2						80	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM XUÂN TRƯỞNG	P2	04	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NAM HẢI	P2	95	1	7			72	T-TIN	Vietnamese
13	TRẦN ANH BẢO	P2	99	1	6			65	YTE	Vietnamese
14	LÊ ANH TỰ	P2	06-07	2	12			65	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN ĐỒNG	P2	14	1	5	1	11	73	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	10	1	5	2	35	72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN CHI HƯƠNG	P2	98	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG XUÂN SƠN	P2	01-02	2	18			80	KH-THAC	Vietnamese
19	HÀ CHIẾN THẮNG	P2	300	1	12			81	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN QUÝ TRUNG	P2	09	1	2			68	KH-THAC	Vietnamese
21	DUƠNG ĐÌNH QUẢN	P2	05	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK4	0	0	0	0	2	35	1		
2	BK5	4	277	5	32	2	30	4		
3	P2	17	1.193	19	120	3	46	17		
TOTAL		21	1.470	24	152	7	111	22		
WEIGHT KG			1.470		152		111			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CREW





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/07/2025	TO: SAVR - RP2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - THỤ	ETA: 09:30

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KULIK VIACHESLAV	SAVR	35	1	11			79	AMNGR	Russian
2	GORIUNOV DENIS	SAVR	33-34	2	13			87	AMNGR	Russian
3	USMANOV ALFRED	SAVR	31	1	9			118	AMNGR	Russian
4	NGUYEN HOANG LONG	SAVR	38	1	14			80	KHOAN	Vietnamese
5	ĐỖ GIA LƯỢNG	SAVR	32	1	10			104	BAKER HU	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC HUÂN	SAVR	36-37	2	19			80	BAKER HU	Vietnamese
7	VŨ MẠNH HÀ	RP2	57	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG HUU SON	RP2	56	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN KIM CƯỜNG	RP2	54-55	2	9			64	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN SACH ĐÓN	RP2	49-50	2	14			69	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÀO MẠNH HUY	RP2	40	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
12	LUƠNG QUỐC VƯƠNG	RP2	53	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VIET HUNG	RP2	42	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH DƯƠNG	RP2	52	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG TIẾN TOÀN	RP2	41	1	12			71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH BINH	RP2	48	1	10			73	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ CÔNG MINH HIẾU	RP2	38-39	2	9			96	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ TUẤN ANH	RP2	47	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN KHANH	RP2	44	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN DUNG	RP2	45-46	2	10			60	KH-THAC	Vietnamese
21	HỒ THIÊN ĐẠT	RP2	43	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
22	NGÔ VĂN SÁNG	RP2	51	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	6	548	8	76	0	0	4		
2	RP2	16	1.125	20	129	0	0	18		
TOTAL		22	1.673	28	205	0	0	22		
WEIGHT KG			1.673		205		0			

GRAND TOAL: 1.878 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNH REP.

NGUYEN MAI PHI

CREW

NGÔ VĂN LINH

MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/07/2025	TO: SAVR - MRM	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: NKHANH - TRINH	ETA: 09:35
VANG-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN TUAN MINH	SAVR	28-29	2	15			77	PVDWS	Vietnamese
2	TRAN QUOC HUY	SAVR	32	1	10			74	PVDWS	Vietnamese
3	DUONG MANH QUYET	SAVR	35	1	9			85	PVDWS	Vietnamese
4	PHAM HONG MINH	SAVR	36-37	2	14			76	PVDWS	Vietnamese
5	DO VAN TUONG	SAVR	33	1	12			67	PVDWS	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HUNG	SAVR	30-31	2	14			71	PVDWS	Vietnamese
7	NGUYEN MANH CUONG	SAVR	34	1	12			80	PVDWS	Vietnamese
8	VALIEV ILDAR	SAVR	41-42	2	10			68	AMNGR	Russian
9	BASHKIN ALEKSANDR	SAVR	47-48	2	14			93	AMNGR	Russian
10	ZINGIREEV ALEKSANDR	SAVR	45-46	2	16			101	AMNGR	Russian
11	TROIANOV DMITRII	SAVR	50	1	7			84	AMNGR	Russian
12	VTEKHIN IVAN	SAVR	39-40	2	14			76	AMNGR	Russian
13	POMOZOV ALEKSANDR	SAVR	38	1	5			68	AMNGR	Russian
14	AKULOV VLADIMIR	SAVR	43-44	2	11			78	AMNGR	Russian
15	NGUYEN VIET THAI	SAVR	51	1	15			57	AMNGR	Vietnamese
16	ĐẶNG VIỆT CUÔNG	SAVR	49	1	1			67	D-HANH	Vietnamese
17	LE MANH THANG	SAVR	52-53	2	8			68	AN TOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	17	1.290	26	187	0	0	16		CHUYEN 01 PAX SAVR - MRM
2	MRM	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		17	1.290	26	187	0	0	16		
WEIGHT KG			1.290		187		0			

GRAND TOAL: 1.477 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/07/2025		TO: RP2			AIRCRAFT: 410			ETD: 09:50		
FLIGHT: 05		FROM: VT			CREW: DƯƠNG - XTRƯỜNG - NNAM			ETA: 11:40		
XANH-2					VNHS FLIGHT: TM25/2771					
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN TUNG	RP2	73	1	4	1	16	65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRƯỜNG THANH	RP2	82	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HAI SANG	RP2	61	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
4	DUƠNG QUỐC MAI	RP2	67	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ DUY QUYỀN	RP2	77	1	14			65	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2						64	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH VĂN QUAN	RP2	71-72	2	16			60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	RP2	70	1	7			100	KH-THAC	Vietnamese
9	LE VĂN QUAN	RP2	80-81	2	9			69	KH-THAC	Vietnamese
10	THAI VĂN TUẤN	RP2	74	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
11	LÀ NGỌC MẠNH	RP2	68-69	2	9			63	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN NAM	RP2	63	1	19			65	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VĂN VIỆT (1990)	RP2	78	1	5			75	PSV	Vietnamese
14	TRẦN MINH HÙNG	RP2	76	1	5			86	PSV	Vietnamese
15	TRẦN TRỌNG QUI	RP2	62	1	6			68	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN LẬP	RP2	58	1	5			65	PSV	Vietnamese
17	VŨ ĐÌNH TU	RP2	79	1	6			65	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN TUẤN TU	RP2	66	1	5			53	PSV	Vietnamese
19	LÊ ĐÌNH HOÀN	RP2	64	1	6			59	PSV	Vietnamese
20	HÀ VĂN THUẬN	RP2	65	1	5			55	PSV	Vietnamese
21	NGÔ TUẤN ANH	RP2	59	1	10	1	13	75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	RP2	83	1	14			65	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	22	1.486	24	162	2	29	22		
TOTAL		22	1.486	24	162	2	29	22		
WEIGHT KG			1.486		162		29			

GRAND TOAL: 1.677 KGS

VSP REP.

[Signature]
N. Thue Kha

VNH REP.

[Signature]
Vũ T. Thu Hương

CREW

[Signature]
[Signature]



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/07/2025		TO: CLO - BK10 - P2			AIRCRAFT: 420			ETD: 09:55		
FLIGHT: 6		FROM: VT			CREW: KHOAN - N.CUONG - TOAN			ETA: 11:45		
CAM-2					VNHS FLIGHT: TM25/2774					
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LUU DINH MINH	CLO	04	1	10			84	KHOAN	Vietnamese
2	LE VAN QUAN	CLO	1-3	3	22			71	KHOAN	Vietnamese
3	TRUONG THE VINH	BK10	95	1	9	2	20	65	KH-THAC	Vietnamese
4	DOAN HONG DUONG	BK10	97-98	2	18			68	KH-THAC	Vietnamese
5	VU XUAN TAM	BK10	94	1	14			65	KH-THAC	Vietnamese
6	LE QUANG HUNG	BK10	96	1	13			73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TIEN CHUONG	P2						68	KH-THAC	Vietnamese
8	DOAN MINH XANH	P2	30	1	7			57	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN THUY	P2	23-24	2	9			58	KH-THAC	Vietnamese
10	LE CONG LUU	P2	33	1	12			64	KH-THAC	Vietnamese
11	HO HUY QUYNH	P2	32	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
12	LE VAN NAM	P2	31	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG VAN SON	P2	22	1	10			63	KH-THAC	Vietnamese
14	PHUNG ANH TUAN	P2	20-21	2	7			67	KH-THAC	Vietnamese
15	LUU ANH TUAN	P2	28-29	2	6			71	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM THANH HIEN	P2	27	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
17	LE SY VANG	P2	19	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN TOAN	P2	34	1	14			70	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAM HONG VU	P2	25-26	2	19			46	XAYLAP	Vietnamese
20	LY CHUYEN CHIEU	P2	18	1	4			105	PSV	Vietnamese
21	PHAM VAN GIANG	P2	17	1	5			63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	2	155	4	32	0	0	0	0	CHUYEN 1 PAX CLO-BK10
2	BK10	4	271	5	54	2	20	0		
3	P2	15	1.006	18	114	0	0	20		
TOTAL		21	1.432	27	200	2	20	20		
WEIGHT KG			1.432		200		20			

GRAND TOAL: 1.652 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CREW



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/07/2025	TO: GTC1 - BK8	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:02
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - THU	ETA: 11:50
TIM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN THANH HOÀNG	GTC1	84-85	2	24			68	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN TRỌNG TUẤN	GTC1	86	1	9			92	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN LONG	GTC1	83	1	13			68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HOÀNG CẨM	BK8	77-78	2	11			76	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM HỒNG QUÂN	BK8	84-85	2	15			76	ANTOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC ANH	BK8	74	1	18			92	ANTOAN	Vietnamese
7	LƯƠNG VIỆT HỢP	BK8	75-76	2	12			63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	BK8	73	1	15			71	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO NGỌC HAI	BK8	88	1	7			75	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐẶNG BẠC THAI	BK8	96-97	2	18			65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU PHI	BK8	81	1	14			59	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ VĂN THANH	BK8	80	1	13			72	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG HÙNG	BK8	89	1	16			60	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ XUÂN TIẾN	BK8	86-87	2	22			59	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH KỶ	BK8	82-83	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese
16	VŨ ĐÌNH HÙNG	BK8	94-95	2	24			66	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN ANH TIẾN	BK8	90-91	2	16			67	XAYLAP	Vietnamese
18	VŨ HOÀNG TIẾN	BK8	98-99	2	21			78	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC PHÁT	BK8	92-93	2	23			66	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG THẮNG	BK8	79	1	7			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	GTC1	3	228	4	46	0	0	0		
2	BK8	17	1.180	27	271	0	0	10		
TOTAL		20	1.408	31	317	0	0	10		
WEIGHT KG			1.408		317		0			

GRAND TOAL: 1.725 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/07/2025		TO: CTC1 - BK16			AIRCRAFT: 616			ETD: 10:05		
FLIGHT: 8		FROM: VT			CREW: NKHÁNH - TRÌNH			ETA: 11:55		
VANG-2					VNHS FLIGHT: TM25/2780					
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAN ANH ĐỨC	CTC1	21	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HUY CÔNG	CTC1	18	1	5			50	KH-THAC	Vietnamese
3	SIVACHUK DMITRII	CTC1	12-13	2	16			108	AMNGR	Russian
4	SULAZOV EVGENII	CTC1	10-11	2	14			82	AMNGR	Russian
5	PHẠM THANH HAI	CTC1	09	1	5			82	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN CÔNG TUYẾN	CTC1						77	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THẾ MẠNH	CTC1	16	1	2			76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT HÙNG	CTC1	15	1	14			95	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VŨ TIẾN THANH	CTC1	20	1	6	2	34	96	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI VĂN MẠNH	CTC1	17	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ DUY AN	CTC1	22	1	14	4	112	102	ANTOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU VIỆT	CTC1	14	1	9			72	ANTOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN THĂNG	CTC1	19	1	6			60	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
14	DUƠNG VĂN TUẤN	BK16	16	1	10	1	15	62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTC1	13	1.032	14	103	6	146	14		XIN ĐỀ HÀNG TRÊN GHẾ TRỐNG
2	BK16	1	62	1	10	1	15	0		
TOTAL		14	1.094	15	113	7	161	14		
WEIGHT KG			1.094		113		161			

GRAND TOAL: 1.368 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNH REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGUYỄN VĂN KHÁNH
TRẦN KHÁNH TRÌNH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/07/2025	TO: P9 - THOR - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - HTRUNG -	ETA: 14:00
TRANG-3		THÀNH	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN VAN THUY	P9	95-96	2	14			50	BIEN DONG	Vietnamese
2	MAI VAN SON	P9	90,92	2	17			95	BIEN DONG	Vietnamese
3	NGUYEN VAN SY	P9	94	1	8			63	BIEN DONG	Vietnamese
4	HOANG BA PHUONG	P9	93	1	14			64	BIEN DONG	Vietnamese
5	PHAM QUANG CONG	P9	97-98	2	10			57	BIEN DONG	Vietnamese
6	LE DINH HUNG	THOR	55-56	2	15	1	16	65	PVD OFFSH	Vietnamese
7	PHAM NHU ANH	THOR	51	1	6	1	18	52	PVD OFFSH	Vietnamese
8	HUYNH NGOC SON	THOR	53-54	2	19			61	PVD OFFSH	Vietnamese
9	PHAM TRUNG DUNG	PPD	66	1	6	5	54	78	KHI	Vietnamese
10	HA HUYNH XUAN CUONG	PPD	54	1	10			62	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN DUAN	PPD	67-68	2	14			65	KHI	Vietnamese
12	TRIEU QUANG TIEN	PPD	64-65	2	11	1	21	68	KHI	Vietnamese
13	TRAN VAN DUC	PPD	63	1	8			63	KHI	Vietnamese
14	HUYNH VAN SANG	PPD	62	1	14			53	KHI	Vietnamese
15	BUI DUC NGA	PPD	60-61	2	20			88	KHI	Vietnamese
16	TRAN MINH DUC	PPD	55-57	3	9			67	KH-THAC	Vietnamese
17	HO PHUONG NAM	PPD	58	1	9			75	QUYET TH	Vietnamese
18	BUI VAN THUY	PPD	59	1	10			55	QUYET TH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P9	5	329	8	63	0	0	0		
2	THOR	3	178	5	40	2	34	1		
3	PPD	10	674	15	111	6	75	11		
TOTAL		18	1.181	28	214	8	109	12		
WEIGHT KG			1.181		214		109			

GRAND TOAL: 1.504 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/07/2025	TO: P5 - P3 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: VTHANG - N.ANH - QTRUONG	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN THE HANH	P5	43-44	2	16			70	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG NGOC LAN	P5	33	1	13			78	KH-THAC	Vietnamese
3	VU VAN LINH	P5	67-68	2	20			70	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG NGOC TAN	P5	70	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN DUONG	P5	40	1	11	4	49	84	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAN THANH HUNG	P5	41-42	2	15			76	XAYLAP	Vietnamese
7	VU QUOC VUONG	P5	34-35	2	14			75	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN QUOC THINH	P5	36-37	2	10			53	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN VAN SANG	P5	38	1	9			67	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAN NGOC TUAN ANH	P5	39	1	17			77	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAM NGOC CHI	P5	69	1	4			59	PSV	Vietnamese
12	NGO KIM NGHIEP	PPD	08	1	14			82	CODIEN	Vietnamese
13	LE VIET TUAN	PPD	09	1	14			81	CODIEN	Vietnamese
14	ĐẶNG QUANG LỘC	PPD	49	1	13			61	CODIEN	Vietnamese
15	HOANG HUU TRONG	PPD	05	1	16			69	CODIEN	Vietnamese
16	VU THANH DAT	PPD	47-48	2	13			69	CODIEN	Vietnamese
17	NGO KIM LAM	PPD	03	1	16			71	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYEN TOAN THANG	PPD	52	1	5	1	17	73	CODIEN	Vietnamese
19	HOANG CAO MINH	PPD	06-07	2	14			68	CODIEN	Vietnamese
20	ĐẶNG SỰ	PPD	01-02	2	20			75	CODIEN	Vietnamese
21	TRINH NGOC TU	PPD	04	1	10			72	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P5	11	774	16	136	4	49	1 + 1	CHUYEN 1 PAX P5-PPD	
2	P3	0	0	0	0	1	10	1		
3	PPD	10	721	13	135	1	17	10		
TOTAL		21	1,495	29	271	6	76	12		
WEIGHT KG			1,495		271		76			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/07/2025	TO: CTK3 - BK6 - P11	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:20
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: HUNG - TTRUNG - VŨ	ETA: 14:10

XANH-3		VNHS FLIGHT: TM25/2778								
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CAO VAN THANG	CTK3	32	1	5			75	WOGC	Vietnamese
2	NGUYEN HOANG HOAN	CTK3	14,423	2	14			71	BIEN ĐONG	Vietnamese
3	NGUYEN CANH TU	CTK3	17-18	2	20			54	BIEN ĐONG	Vietnamese
4	NGUYEN VAN BA	CTK3	28	1	15			62	BIEN ĐONG	Vietnamese
5	THIEU DINH TRUNG	CTK3	416	1	9			63	BIEN ĐONG	Vietnamese
6	NGUYEN BA QUYEN	CTK3	420	1	16			72	BIEN ĐONG	Vietnamese
7	TRANG NGOC NAM	CTK3	29	1	14			71	BIEN ĐONG	Vietnamese
8	LO VAN THUONG	CTK3	422	1	10			82	BIEN ĐONG	Vietnamese
9	NGUYEN SONG TOAN	CTK3	419,402	2	8			59	BIEN ĐONG	Vietnamese
10	NGUYEN KIM PHI HUNG	CTK3	418	1	10			68	XAYLAP	Vietnamese
11	VU QUANG VINH	CTK3	30-31	2	16			78	XAYLAP	Vietnamese
12	LE DINH MINH	CTK3	19-20	2	19			51	XAYLAP	Vietnamese
13	KIEU HAI DUONG	CTK3	417	1	8			66	XAYLAP	Vietnamese
14	LE PHU TOA	CTK3	21	1	13	1	18	63	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAM VAN TUYEN	CTK3	25-26	2	17			71	XAYLAP	Vietnamese
16	VU THANH BINH	CTK3	15-16	2	18			57	XAYLAP	Vietnamese
17	HU SY HUNG	CTK3	27	1	10			79	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN QUANG PHUC	CTK3	23-24	2	20			78	XAYLAP	Vietnamese
19	HOANG VAN SON	CTK3	414	1	6	1	16	75	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN VIET PHONG LUU	CTK3	413,421	2	22			90	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN XUAN PHUC	CTK3						67	SANBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	21	1.452	29	270	2	34	6		
2	BK6	0	0	0	0	0	0	5		
3	P11	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		21	1.452	29	270	2	34	13		
WEIGHT KG			1.452		270		34			

GRAND TOAL: 1.756 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CREW

